

Phẩm thứ mười bảy: SƠ PHÁT TÂM CÔNG ĐỨC

A- Ý ĐƯA RA: Nghĩa là hai phẩm trước trình bày về phần vị và công hạnh (Vi-Hạnh), nay hiển bày về đức thù thắng, nêu ra đầu để so với sau mà khéo léo hiển bày về thù thắng sâu xa, cho nên tiếp theo đưa ra. Lại cuối phẩm trước nói lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, nhưng chưa biết tâm này có công dụng thế nào mà lập tức đạt được như vậy? Nay giải thích về nghĩa này, cho nên tiếp theo đưa ra.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Sơ có hai nghĩa: 1- Đầu tiên trong ba loại phát tâm; 2- Đầu tiên trong Thập Trú. Phát cũng có hai nghĩa: 1- Phát khởi Thượng cầu; 2- Ba đức khai phát, có thể nhận biết về Trí của chư Phật ba đời, vĩnh viễn đoạn trừ tất cả nghi ngờ, đạt được một thân-vô lượng thân... của Như Lai. Bởi vì ở phần vị Tín từ lâu đã nghiên ngẫm tận cùng, đến trong phần vị này khai ngộ rõ ràng, cho nên đạt được công phu đầy đủ quả vị thâm nhiếp công đức vô biên, mà chọn lấy tên gọi này.

C- TÔNG THỨ: Tức là dùng Sơ tâm thâm nhiếp công đức làm Tông, khiến cho chúng sinh phát tâm đến tận cùng làm Thứ.

Nhưng phát tâm trong Hội của Trú, chắc chắn là Tín thành tựu thâm nhiếp, Giải-Hạnh và Chứng đương nhiên thuộc về văn sau. Sinh vào nhà Như Lai, tự nhiên dựa theo Giải mà nói, không nên nói phần vị này tức là Chứng thâm nhiếp. Nếu nói đã từ lâu huân tập Vô minh, vì sao mau chóng thành tựu Đại Trí, thì lẽ nào không nghe ngôi nhà đóng kín, bóng tối che phủ cả ngàn năm, một ngọn đèn chiếu vào trong phút chốc lập tức trừ hết bóng tối hay sao? Nếu nói vì sao có thể nhận biết về pháp của chư Phật ba đời, thì lẽ nào không nghe phàm phu có đủ ràng buộc, có thể nhận biết về Tạng bí mật của Như Lai hay sao? Nghĩa còn lại đến văn sẽ giải thích.

Nói đến căn cơ sai khác-giáo pháp riêng biệt, ý chỉ của bậc Thánh vô cùng sâu xa, vả lại chưa chứng được Chân Như, cùng ở trong phần vị học hỏi, cùng nhau hiểu rõ về Thánh Trí, thì quả thật mà nói mới là khó.

Lại lấy cạn làm sâu thì có đạt được phù hợp với lý, lấy sâu làm cạn thì có tội lỗi phỉ báng giáo pháp, lấy xa làm gần thì có lợi ích cho người thực hành, lấy gần làm xa thì giáo pháp không phải là phần mình. Chư Phật thuyết giảng giáo pháp coi trọng ở chỗ tùy theo căn cơ của chúng sinh, người học ở thế hệ sau nếu muốn suy xét cao xa về Thánh cảnh, giống như mất đi lợi ích to lớn, thì lẽ nào không đáng thương xót

hay sao?

Lại chiều câu cá ở Bàn Khê-sáng bước lên Đài Phủ, lẽ nào cùng với người hiểu biết kinh nghiệm thường xuyên lựa chọn, mà nói đến sự hơn-kém ấy hay sao? Ví như mới sinh ra ở chốn Vương cung, bề tôi vô cùng quý trọng, thì lẽ nào giống như hạng mọi rợ bách chiến, trải qua nhiều gian khổ hay sao? Dù cho công cao trải qua mười ngàn kiếp, cũng không phải là người có thể nói đến điều ấy. Vì vậy, nói đến Trí ấy thì sánh bằng hư không mà không phải là tương tự, luận về Đức ấy thì nghiền nát quốc độ làm bụi nhỏ mà khó suy lường. Viên dung đến cuối cùng niệm-kiếp, trở lại hiện rõ toàn bộ pháp môn, Sơ tâm phù hợp với biển Trí, lẽ nào có bến bờ hay sao? Giống như giọt nước nhỏ bé hòa vào trong hồ nước rộng lớn, như nhau không có gì trước-sau. Vì vậy kinh nói: Phát tâm và Tất cánh là hai sự việc không sai khác, hai tâm như vậy thì tâm trước là khó.

Pháp Tuệ ngưỡng mộ, mở rộng là bởi vì điều này. Nếu như có chỗ không nói rõ thì ở kinh Thắng Man có văn trình bày. Mở rộng có thể nhận biết về Phật, ở đây nói không có gì sai lầm, còn lại như phẩm Hiền Thủ đã nói.

D- CHÍNH THỨC GIẢI THÍCH VĂN, trường hàng phân làm bảy: Một-Phần Thiên vương thừa thỉnh thuyết giảng; Hai- Phần ca ngợi sâu xa khó thuyết giảng; Ba- Phần dựa theo Dụ để so sánh; Bốn- Phần dựa vào Pháp sơ lược nêu ra; Năm- Phần mặt đất rung động-phát khởi cúng dường; Sáu- Phần các phương khác chứng minh thành tựu; Bảy- Phần dùng kệ trùng tụng.

Lại giải thích, trong đó phân hai: Đầu là trường hàng; sau là kệ tụng.

Trong phần trường hàng có hai: Một- Thế giới này; Hai- Kết luận nổi thông.

Trong phần một có hai: 1- Chính thức thuyết giảng; 2- Chứng minh thành tựu.

Trong phần 1 cũng có hai: Trước là thưa hỏi; sau là giải đáp.

Nay dựa vào cách giải thích trước để phân rõ.

Trong phần một: Thiên đế thưa hỏi, là ở cung trời ấy, nghe mau chóng thành tựu trước đây mà sinh ra ý niệm nghi ngờ, bởi vì tâm Bồ-đề là chủ yếu của vạn hạnh; thưa hỏi Pháp Tuệ, là bởi vì Hội chủ, Sơ tâm đầy đủ đức về sau, vốn chỉ là cảnh của Tuệ. Sau chính thức hiển bày về sự việc thưa hỏi, tuy là chính thức thưa hỏi về công đức sau này, nhưng Pháp Tuệ giải đáp về lượng của công đức, thì hiển bày về tướng của

phát tâm, đều là biện tài khéo léo của Bồ-tát.

Phần hai từ “Pháp Tuệ Bồ-tát ngôn...” trở xuống là ca ngợi sâu xa khó thuyết giảng: Sở dĩ ca ngợi, là bởi vì Thể của pháp sâu rộng mà loại bỏ nghi ngờ khiến cho vui thích. Sau nhờ vào ngôn thuyết để hiển bày về nguồn cội ấy vốn không tận cùng, trong đó: Đầu là câu tổng quát, nói rất sâu xa (Thâm thâm), nghĩa là dựa theo Thời sâu xa thì suốt đến thời gian sau (Hậu tế), dựa theo Đức sâu xa thì đến quả Phật, dựa theo Lý sâu xa thì giống như pháp giới, dựa theo Hạnh sâu xa thì bao gồm vạn hạnh, đều cuối cùng trong sâu xa cho nên nói là rất sâu xa. Vả lại, Số thì nhiều khó lường nổi, Lý thì sâu xa không đoán được, tuy sâu xa nhưng không phải là cuối cùng. Nay ngay nơi ít mà nhiều, ngay nơi Sự mà Lý, Sơ tâm đầy đủ về sau, thì gọi là rất sâu xa. Sau là mười câu riêng biệt, bởi vì mười nghĩa này cho nên nói là rất sâu xa, trong đó: Bốn câu đầu là chủ động-thụ động (Năng-sở) so sánh để phân rõ, đều trước là chủ động-sau là thụ động: 1- Lìa xa ngôn từ cho nên khó biểu thị rõ ràng; 2- Không có tướng cho nên vượt lên trên tâm thức; 3- Không phải năng lực của mình biện giải mà có thể phân biệt được; 4- Không phải Tuệ yếu kém mà có thể tin hiểu được. Sáu câu sau bao gồm Chứng thuộc chủ động-thụ động: 5- Không phải có pháp đã đạt được và một Tuệ có thể Chứng được; 6- Không phải là khởi hạnh và một hạnh có thể thực hành; 7- Tu Tuệ theo thứ tự không thể nào thông đạt; 8 và 9- Tư Tuệ không thể nào tư duy suy đoán; 10- Văn Tuệ không thể nào tin tưởng hưởng về tiến vào. Sáu câu này thì những câu sau kém hơn những câu trước, là khéo léo hiển bày về sâu xa. Sở dĩ nói nhiều về khó, bởi vì không những thành tựu về pháp rất sâu xa trên đây, mà cũng đích thực khuyến nhủ từ nay về sau làm cho tin tưởng.

Phần ba từ “Tuy nhiên...” trở xuống là dựa theo Dụ để so sánh, trong đó: Một- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, nghĩa là dựa theo năng lực của mình thì rất sâu xa, nương theo uy lực thì có thể thuyết giảng. Hai- Từ “Phật tử...” trở xuống là trong phần chính thức hiển bày để so sánh, có mười một Dụ lớn: 1- Dụ về lợi lạc chúng sinh; 2- Dụ về nhanh chóng bước qua quốc độ; 3- Dụ về nhận biết kiếp thành-hoại; 4- Dụ về khéo léo nhận biết Thắng giải; 5- Dụ về khéo léo nhận biết các căn; 6- Dụ về khéo léo nhận biết ưa thích mong muốn; 7- Dụ về khéo léo nhận biết phương tiện; 8- Dụ về khéo léo nhận biết tâm người khác; 9- Dụ về khéo léo nhận biết tướng của nghiệp; 10- Dụ về khéo léo nhận biết phiền não; 11- Dụ về cúng dường Phật và chúng sinh.

Nhưng mười một Dụ này, những Dụ sau vượt qua những Dụ trước,

cho nên đều lược bỏ những Dụ trước mà lại nêu ra những Dụ sau, khéo léo hiển bày về sâu xa thù thắng.

Lại các Dụ này kết hợp có tổng quát-riêng biệt, tổng quát thì chỉ tổng quát kết hợp với đức rộng lớn của phát tâm, nghĩa là như trong Dụ 1 thì kết hợp nói rằng: Vì nhận biết hết tất cả thế giới thành-hoại..., đây là không giống với Dụ. Riêng biệt nghĩa là đã kết hợp giống như Dụ, nhưng Dụ có phạm vi giới hạn, Pháp thì không có giới hạn mà thôi, như Dụ 1 kết hợp nói rằng: Không chỉ là dùng tất cả nhạc cụ để cúng dường mười phương...

Một Dụ đầu có đủ tổng quát-có đủ riêng biệt, mười Dụ sau lược qua không có tổng quát kết hợp. Văn các Dụ này đều thuận theo có bốn mục: a- Nêu ra Dụ; b- Nêu ra thưa hỏi; c- Tiếp nhận giải đáp; d- So sánh. Dụ đầu và Dụ cuối có đủ bốn mục, chín Dụ ở giữa tóm lược không có hai mục giữa. Lại trong các Dụ, mỗi một Dụ đều có mười lớp Dụ nhỏ, đều thuận theo nêu ra Dụ-thưa hỏi-giải đáp và so sánh, văn không có là bởi vì tóm lược.

Thứ 1: Dụ về lợi lạc chúng sinh, trong mười lớp: Một lớp đầu là mở rộng thuyết giảng, chín lớp sau là sơ lược trình bày.

Trong lớp đầu có bốn tiết: a- Nêu ra sự việc rộng lớn; b- Nêu ra thưa hỏi; c- Giải đáp hiển bày về rộng lớn; d- Phân rõ về vượt lên trên.

Tiết a là nêu ra sự việc rộng lớn, có ba: Trước là lợi ích cho đời hiện tại, văn có ba sự rộng lớn, đó là vật dụng cúng dường-ruộng phước và thời gian; tiếp từ “Nhiên hạ...” trở xuống là niềm vui cho đời vị lai; sau từ “Nam-Tây...” trở xuống là tương tự chín phương còn lại.

Tiết b là nêu ra thưa hỏi, tiết c là giải đáp hiển bày về rộng lớn, đều có thể biết.

Trong tiết d là phân rõ về vượt lên trên: Nói Ca-la, Trung Hoa nói là Thụ Tích, lông trên thân người, là một phần trong trăm phần. Hoặc là nói rằng: Nghĩa của một phần trong mười sáu phần. Dịch là phần so sánh (Giảo lượng). Ưu-ba-ni Sa-đà, Trung Hoa nói là Cận Thiếu, nghĩa là phần ít gần nhau ví như tương tự. Sau trăm ngàn tức là nói về Úc phần, là số thuộc lớp giữa.

Trong chín lớp sau là sơ lược trình bày, văn có bốn tiết giống như trước.

Nay tiết a gộp lại nêu ra chín sự việc về nhạc cụ đều giống nhau, tất cả đã trải qua kiếp số dần dần tăng thêm nhiều, giáo pháp đã chuyển vận càng tăng thêm thù thắng. Dựa vào lớp đầu thì thế giới cũng hợp

lại dần dần tăng thêm, bởi vì mười lớp này ở văn trước chỉ nêu ra một lớp, những lớp còn lại không có là tóm lược. Nếu mười phương gồm có mười thì thế giới không tăng thêm.

Trong mục d là so sánh, có ba: Một: Phân rõ về vượt lên trên. Hai: Nguyên cốt thế nào là nêu ra, ý nêu ra nói rằng: Trước đây nói công đức khó nhận biết ngoại trừ Phật, vì sao ở đây so sánh hãy còn ít không phải là tương tự? Ba: Ý giải thích có hai: 1: Riêng biệt vượt qua Dự trước đây, nghĩa là phát tâm không có giới hạn mà trước đây vốn có giới hạn, cũng là giải thích ngược lại. 2: Từ “Vi linh Như Lai chủng tánh bất đoạn...” trở xuống là bao gồm so sánh mười lớp trước, tổng quát hiển bày về đức đầy đủ, cũng là giải thích thuận theo, trong đó có mười hai câu: Ba câu đầu là tướng tổng quát so sánh với trước để phân rõ về thù thắng, một là vượt qua quả nhỏ bé trước đây, hai là vượt qua nơi chốn giới hạn trước đây, ba là vượt qua chúng sinh có giới hạn trước đây. Chín câu sau tức là căn bản của mười Dự: Một tức là căn bản của Dự thứ 3 nhận biết kiếp thành-hoại; hai tức là căn bản của Dự thứ 4 khéo léo nhận biết Thắng giải, cho nên văn sau nói cho đến hiểu rõ về cấu nhiễm-hiểu rõ về thanh tịnh...; ba tức là căn bản của Dự thứ 2 nhanh chóng bước qua quốc độ; bốn tức là căn bản của Dự thứ 6 và Dự thứ 10; năm tức là căn bản của Dự thứ 9; sáu tức là căn bản của Dự thứ 5 và Dự thứ 7; bảy và tám đều là căn bản của Dự thứ 8; chín là nhận biết bình đẳng về cảnh giới của Phật, tức là căn bản của Dự thứ 11 cúng dường Phật.

Chín câu trong này tức là Trí thuộc mười Lực của Phật: Một- Nhận biết về tự tánh thành-hoại-cấu-tịnh, tức là Trí về Nghiệp báo; Hai- Tâm an vui, tức là Trí về Chủng chủng giải; Ba- Nhận biết về phiền não, tức là Trí về Lưu tận; Bốn- Sinh tử, tức là Trí về Thiên nhân; Năm- Các căn, tức là Trí về Căn thắng-liệt; Sáu- Phương tiện, tức là Trí về Thiên giải thoát Tam-muội, Trí này và cảnh Phật đều là Trí về Nhất thiết chí xứ đạo; Bảy- Tâm hành, tức là Trí về Chủng chủng giới; Tám- Trí thuộc ba đời, tức là Trí về Túc mạng; Chín- Trí về Thị xứ-phi xứ, bởi vì là tổng quát cho nên cũng thấu nhiếp trong ba câu tổng quát trước đây. Nhưng pháp đã nhận biết này đều dựa theo tất cả không có giới hạn như nhau, văn sau mở rộng giải thích về tướng ấy.

Thứ 2: Từ “Phật tử phục trí...” trở xuống, trình bày Dự về nhanh chóng bước qua quốc độ. Nhưng thứ tự về sau, văn chín Dự đều phân bốn tiết: a- Nêu ra Dự về rộng lớn; b- Phân rõ về vượt lên trên; c- Nêu ra; d- Giải thích.

Trong giải thích đều trước là giải thích ngược lại, sau là giải thích thuận theo.

Nay trong Dụ: Ba tiết trước có thể biết. Trong tiết d là giải thích: Trước là giải thích ngược lại để làm sáng tỏ về không sánh kịp trước đây; sau từ “Vi liễu tri...” trở xuống là giải thích thuận theo, phân rõ về phần vị này vượt qua phần vị trước đây, trong đó phân rõ mười một câu: Đầu là câu tổng quát. Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt nhận biết về nghĩa của thế giới ngay trong nhau-hòa vào nhau không có gì chướng ngại: Bảy câu trước là chính thức trình bày về ngay trong nhau-hòa vào nhau (Tức-nhập). Tám từ “Nhất mao đóa...” trở xuống là hai cặp, giải thích về nguyên cơ ngay trong nhau-hòa vào nhau trên đây. Sơ lược nêu ra ba môn: Đầu là dùng môn Pháp tánh viên dung để giải thích, nghĩa là tánh sai biệt của tất cả thế giới, cùng với Thể tánh của một mảy lông vốn không hai, vì thế cho nên Sự tùy theo-tánh dung thông, đây-kia ngay trong nhau mà Sự thu nhận-tánh phát khởi, kia-đây hòa vào nhau đều có Thể giống nhau-Thể khác nhau, dựa theo trên suy nghĩ về điều đó. Chín là trong một thế giới sinh ra tất cả thế giới, đây là dựa theo môn Duyên khởi để giải thích, nghĩa là các duyên khởi lại phát sinh lẫn nhau, có hai nghĩa: 1- Dựa theo nghĩa về Thể thì có Thể-không có Thể, vì thế cho nên ngay trong nhau (Tương tức); 2- Dựa theo nghĩa về Dụng thì có lực-không có lực, vì thế cho nên hòa vào nhau (Tương nhập), cũng có nghĩa về Thể giống nhau-Thể khác nhau, đều dựa theo trên suy nghĩ về điều này. Muốn nhận biết tất cả thế giới không có Thể tánh, là dựa theo môn Vô Thể tánh, bởi vì Đại không nhất định là Đại, cho nên có thể ngay nơi Tiểu... Mười là tổng quát kết luận, muốn dùng một niệm nhận biết tất cả rộng lớn không có giới hạn như vậy, trùng trùng ngay trong nhau-hòa vào nhau không có điều gì chướng ngại, cho nên phát tâm Bồ-đề.

Lại ở đây nói nhận biết, trong kệ cũng là thân hưởng về nơi ấy.

Thứ 3: Từ “Phật tử...” trở xuống là Dụ về nhận biết kiếp thành-hoại, văn cũng có bốn tiết: a- Trình bày về Dụ rộng lớn, nêu ra Thành thâu nhiếp Trụ, nêu ra Hoại bao gồm Không; b- Từ “Phật tử tử...” trở xuống là so sánh để phân rõ về vượt lên trên; c- Nêu ra; d-Giải thích.

Trong tiết d là giải thích, cũng có hai: Trước là giải thích ngược lại; sau là giải thích thuận theo.

Trong giải thích thuận theo: Đầu là tổng quát; tiếp từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt; sau từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận về Trí có thể nhận biết.

Trong riêng biệt: Nói bình đẳng, là bao gồm ngay trong nhau-hòa vào nhau, dựa vào duyên-dựa vào tánh chỉ khác nhau do tâm..., đều không có gì chướng ngại, cho nên nói là bình đẳng. Một- Dài ngắn, như cỡi Sa-bà là ngắn, thế giới An Lạc là dài, theo thứ tự chuyển tiếp hưởng về với nhau để làm ngắn-dài. Hai- ba và bốn, vẫn đều có thể biết. Năm- Hữu lượng và Vô lượng, như cỡi Thắng Liên Hoa, kiếp lại không có gì cao hơn, gọi là Vô lượng, trở xuống dưới đều là Hữu lượng. Sáu- Có thành-hoại thì có tận cùng, không có thành-hoại thì không có tận cùng, trong nêu ra chỉ nói đến thành-hoại, là thuận theo phần nhiều mà nói, cũng là Tho tận cùng mà Tế không tận cùng. Bảy- Niệm và kiếp hưởng về với nhau. Tám-Kiếp và không phải kiếp, tự nhiên có ba nghĩa: 1- Dựa theo chưa trải qua tăng-giảm, từ trước đến sau trăm ngàn năm gọi là không phải kiếp, nếu chưa trải qua tăng-giảm thì thành-hoại gọi là kiếp; 2- Như cỡi Thắng Liên Hoa đã không thể nào so sánh, cũng không có kiếp số, cho nên gọi là không phải kiếp; 3- Rời bỏ Vọng trở về Chân, kiếp hòa vào không phải kiếp, dựa theo Chân dấy khởi Vọng, không phải kiếp hòa vào kiếp, vậy thì bảy câu trước đây là Sự Sự vô ngại, đây chính là Lý-Sự vô ngại. Chín-Một niệm mau chóng nhận biết có đủ toàn bộ bao gồm vô tận, bởi vì ở đây không có giới hạn thì lẽ nào có thể so sánh trước đây?

Sau là kết luận về Trí có thể nhận biết, tức là Thần thông nhận biết về kiếp tận cùng thời gian vị lai trong mười Thần thông.

Thứ 4: Từ “Phật tử...” trở xuống là Dụ về khéo léo nhận biết Thắng giải, vẫn có bốn tiết giống như trước.

Tiết a nêu ra Dụ về rộng lớn, tiếng Phạn nói là A-địa Mục-đa, Trung Hoa nói là Thắng Giải, nghĩa là đối với cảnh quyết định duy trì phù hợp là tánh, không thể khiến cho chuyển đổi là nghiệp, nay dịch còn lại tóm lược mà thôi.

Trong tiết d là giải thích, cũng trước giải thích ngược lại, sau giải thích thuận theo.

Trong giải thích thuận theo: Đầu là tổng quát; sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt.

Trong riêng biệt, toàn bộ có mười ba câu: Đầu có tám câu là tổng quát về tướng để phân rõ; sau có năm câu là riêng biệt trình bày từng tướng một.

Trong tám câu đầu lại có hai: Ba câu trước về Giải, là đạt được ánh sáng của Trí hiểu rõ về phương tiện, ánh sáng này bao gồm nhân-bao gồm quả, trong đó câu một về rộng, câu hai về sâu, bởi vì dựa theo

Lý..., câu ba tức là chủ động động nhận biết. Năm câu sau là đạt được Trí lực về Thắng giải trong mười Lực của Phật, hiểu rõ tất cả các pháp: Một- Dựa theo con người, nghĩa là hiểu rõ về Chúng sinh hải; Hai- Dựa theo thời gian và tánh; Ba- Dựa theo cảnh trình bày về tương tự-không tương tự; ba câu trên là đều trình bày về pháp rộng lớn đã nhận biết. Bốn- Sự Sự ngay trong nhau, hiển bày về pháp sâu xa đã nhận biết; Năm- Chủ động nhận biết, tức là đạt được một Lực trong mười Lực.

Trong năm câu sau từ “Dục tất tri hữu thượng...” trở xuống là riêng biệt trình bày từng tướng một. Trước đây chỉ nói là nhiều mà chưa biết về tướng sai biệt, nay sơ lược nêu ra điều ấy. Trong đó, năm câu thì mỗi câu là một nghĩa:

Câu thứ nhất có ba cặp, dựa theo Phật Bồ-tát hướng về với nhau: 1- Diệu giác là Vô thượng, còn lại đều là Hữu thượng, đây là dựa theo chiều dọc mà luận; 2- Dựa theo chiều ngang phân rõ về tận cùng-chưa tận cùng; 3- Phần vị như nhau hướng về với nhau là giống nhau, phần vị cao-thấp hướng về với nhau là không giống nhau.

Câu thứ hai có sáu cặp, dựa theo phạm-Thánh năm Thừa sai biệt hướng về với nhau, có nương tựa-không có nương tựa: 1- Dựa theo tự tánh sai biệt, bởi vì nhờ vào căn-cảnh mà đạt đến phù hợp với Chân; 2- Dựa theo cạn-sâu sai biệt, bởi vì Bát-nhã rất sâu xa mà không cùng chung Tiểu thừa; 3- Dựa theo cảnh sai biệt, bởi vì hiểu biết của Phật là vô biên mà người khác không tận cùng được; 4- Dựa theo hai Đế, bởi vì Thế đế sai biệt mà Thắng nghĩa không có gì sai biệt; 5- Dựa theo khéo léo-vụng về sai biệt; 6- Dựa theo Lậu-Vô lậu sai biệt.

Câu thứ ba có bốn Giải, dựa theo Phật thừa mà nói: 1- Sâu xa; 2- Rộng lớn; 3- Không có phạm vi hạn lượng; 4- Phần vị chính thức phù hợp với Chân Như mà đạt được quả về Giải, Sự-Lý vô ngại bởi vì không có hai ngăn ngại.

Câu thứ tư có ba cặp, chỉ dựa theo chúng sinh để phân rõ sai biệt, trong đó: Đầu là chủ động nhận biết về phương tiện, bởi vì không ngăn ngại Không mà nhận biết về Giả. Sau từ “Tất tri...” trở xuống là trình bày về pháp đã nhận biết, có ba cặp-sáu Giải: Tương ứng với phiền não gọi là nhiễm, không tương ứng với phiền não gọi là tịnh; mở rộng và tóm lược, là dựa theo Cảnh và Tác ý sai biệt; thô và tế, là dựa theo hành tướng sai biệt, mà biết tướng tận và biết không tướng tận.

Câu thứ năm có ba cặp, phần nhiều dựa theo nhận biết thuộc Giải về Thánh giáo. Trong đó, vẫn có hai: Một- Chính thức trình bày; Hai-Từ “Nhất thiết...” trở xuống là tổng quát kết luận về văn trước.

Trong một: Sâu xa bí mật, tách ra thì sâu xa dựa theo Phương Quảng thuộc Nhất thừa, bí mật nghĩa là ý bí mật; hợp lại thì sâu xa tức là bí mật, bởi vì bí mật-bởi vì vi diệu ngay nơi Sự mà Chân. Hai phương tiện, tóm lược có ba loại: 1- Phương tiện tiến lên hưởng về, nghĩa là đạo phương tiện trước Kiến đạo; 2- Phương tiện thực hiện việc làm, tức là Ba-la-mật thứ bảy, bởi vì dựa vào Thật khởi Quyền đều là phương tiện thiện xảo, Thật không có sự việc này mà Giả thi thiết cho nên có; 3- Phương tiện tích tập thành tựu, Thể của các pháp giống nhau, tướng khéo léo tích tập mà thành tựu; như sáu tướng khéo léo thành tựu cũng gọi là phương tiện, nay đều có thể hiểu rõ. Nói phân biệt, bởi vì có nhiều môn để quyết định chọn lựa đối với một pháp. Nói tự nhiên, bởi vì pháp vốn như vậy huân tập trong Bốn giác mà phát ra. Tùy theo nhân mà khởi lên, là huân tập về pháp đã nghe ở quá khứ mà phát ra, hoặc là ở hiện tại do Chánh tư duy... mà có thể nhận biết. Nói tùy theo duyên mà khởi lên, nghĩa là gặp được Thiện hữu, do lực của Tăng thượng duyên mà khai ngộ.

Hai từ “Nhất thiết...” trở xuống là tổng quát kết luận, rộng nhiều đan xen nhau cho nên giống như mạng lưới, vì pháp Vô hạn này mà phát khởi Đại tâm, lẽ nào giống như Dụ trước đây hay sao?

Thứ 5: Dụ về khéo léo nhận biết các căn, có thể biết.

Thứ 6: Dụ về khéo léo nhận biết ưa thích mong muốn: Mong muốn (Dục) nghĩa là đối với cảnh đã ưa thích thì hy vọng là tánh, chịu khó dựa vào là nghiệp, tức là do Trí về Thắng giải đã thâm nhiếp, kết hợp giải thích như trước.

Thứ 7: Dụ về khéo léo nhận biết phương tiện, tức là ba loại phương tiện như Trí về Thiên, Trí về Thiện xảo và Trí về Chí xứ đạo, như trước đã phân rõ. Bởi vì đã hưởng về riêng biệt, cho nên không có xen lẫn làm mất lẫn nhau.

Thứ 8: Dụ về khéo léo nhận biết tâm người khác, nghĩa bao gồm tâm vương-tâm sở, tức là Trí về Tha tâm.

Thứ 9: Dụ về khéo léo nhận biết tướng của nghiệp, tức là Trí về Nghiệp báo.

Vẫn trong những Dụ trên đây đều có bốn, giống như trước có thể biết. Phân rõ về tên gọi và Thể, đầy đủ như trong chương Thập Lực ở Hội thứ nhất, mở rộng hiển bày về sai biệt như ở Địa thứ chín.

Thứ 10: Từ “Phật tử phục trí...” trở xuống là trình bày Dụ về khéo léo nhận biết phiền não sai biệt, vẫn cũng phân bốn tiết, ba tiết trước (a-b-c) có thể biết. Trong tiết d là giải thích, cũng trước giải thích ngược

lại, sau giải thích thuận theo.

Trong giải thích thuận theo: Đầu là tổng quát; sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt.

Riêng biệt có sáu môn, mỗi môn đều trước là phiền não-sau là đối trị, nghĩa là không những nhận biết trống rỗng, mà ý còn phải đoạn trừ. Một môn đầu là tổng quát trình bày, một môn sau là nghĩa bao gồm tổng quát và riêng biệt, bốn môn ở giữa riêng biệt nêu ra phiền não sâu nặng ấy.

Nay trong môn thứ nhất: Nặng nhẹ thuộc về ngủ-thức (Miên khởi), bao gồm các phiền não về sau, cho nên gọi là tổng quát. Trong đó, tổng quát trong tổng quát về nặng nhẹ, thì dùng Phẩm mà nói. Tất cả phiền não đều có nặng nhẹ, dựa theo phiền não dấy khởi, là bởi vì tâm có khác nhau. Dựa vào đoạn trừ khó-dễ, thì hiện hành là nhẹ, chủng tử là nặng, tức là ngủ-thức. Lại phân biệt là nhẹ, câu sinh là nặng. Nếu dựa vào phá hoại Tam Bảo-đốt cháy thiện căn, thì Tà kiến là nặng nhất, còn lại đều gọi là nhẹ. Nếu dựa vào phiền não của mình và người làm chướng ngại đến đạo Bồ-tát, thì Sân nhuế là nặng nhất, còn lại đều gọi là nhẹ. Nếu dựa vào phát khởi tươi thắm sinh tử mà lưu chuyển, thì Vô minh-Ái-Thủ là nặng. Nếu dựa vào làm gốc rễ của các phiền não, thì ba Độc là nặng. Nếu dựa vào chướng ngại Thánh đạo ban đầu mà không tiếp nhận Thánh giáo, thì Kiến-Mạn là nặng. Nếu dựa vào xa tùy theo hiện hành chướng ngại đến đạo Vô học, thì Ngã ái-Ngã mạn là nặng. Còn lại có thể gọi là nhẹ. Nếu Thể của phiền não hướng về với nhau, thì mười Đại phiền não là nặng, Tùy phiền não là nhẹ. Đại-Trung và Tiểu tùy trong Tùy phiền não, lần lượt chuyển tiếp ở mức độ nặng nhẹ. Và lại, Chánh sử là nặng, tập khí là nhẹ. Lại có môn khác nhưng có thể nói tóm lược.

Nói đến ngủ-thức, ngủ tức là chủng tử ngủ sâu trong Tạng thức, thức tức là đối với cảnh mà phát khởi hiện hành. Nói mỗi một chúng sinh có vô lượng phiền não, tổng quát kết luận về nhiều loại. Các loại sai biệt thì nói tóm lược như phần sau, mở rộng chỉ có Phật mới có năng lực nhận biết. Các loại Giác quán gồm chung chủ động-thụ động đối trị, bởi vì có nhiễm-tịnh.

Nhiễm là bởi vì thụ động đối trị dựa vào phiền não, như giác về Dục-Nhuế-Hại, có thể phát sinh vô lượng phiền não như Tham... Trong kinh Niết Bàn thêm vào năm loại, nói là có tám Giác: 1- Giác về Dục, mong cầu sự việc vừa ý; 2- Giác về Sân, nghĩ đến Dục mà tức giận với người khác; 3- Giác về Nã, nghĩ đến Dục mà làm phiền muộn đến

người khác; 4- Giác về Thân lý (quê hương của mình), nhớ lại duyên của chính mình; 5- Giác về Quốc độ, nghĩ đến sự an nguy của thế gian; 6- Giác về Bất tử, tích chứa tài sản cung cấp nuôi dưỡng; 7- Giác về Tộc tánh (dòng họ), nghĩ đến dòng dõi cao-thấp; 8- Giác về Khinh vũ (làm nhục người khác), Vũ (coi khinh) tức là Mạn, nghĩ đến cậy thế mình ức hiếp người ta. Những loại này không phải là một, cho nên nói là các loại, đều có thể khiến cho tất cả phiền não dấy khởi. Đối với vô lượng phiền não của mỗi một chúng sinh trên đây, cũng gọi là dẫn đến khởi lên phân biệt.

Nói đối trị thanh tịnh, là Dục thì dùng quán về Bất tịnh để đối trị, Sân thì dùng Từ để đối trị, Não hại thì dùng Bi để đối trị. Bốn loại tiếp theo (4-5-6-7) là dùng quán về Vô thường để đối trị, một môn sau cuối (8) là dùng quán về Vô ngã và Ngã sở để đối trị, cho nên nói là các loại Giác quán đối trị thanh tịnh tất cả phiền não tạp nhiễm.

Thứ hai: Dựa vào môn Lưu chuyển: Ở trong thụ động đối trị tức là Si-Ái phát khởi tưới thấm; từ “Đoạn nhất thiết...” trở xuống là trình bày về đối trị, do Si-Ái mà lưu chuyển trong các nẻo, từ Si mà có Ái cho nên phát sinh căn bệnh của Bồ-tát, ba Kiết của tất cả chúng sinh trong năm nẻo-ba cõi cần phải đoạn hết: 1- Các Ái của cõi Dục riêng biệt gọi là kiết Dục; 2- Ái của hai cõi trên hợp lại gọi là kiết Hữu; 3- Vô minh của ba cõi gọi là kiết Vô minh. Ba Kiết cũng gọi là ba Lậu, tức là Si-Ái trên đây đoạn rồi, cho nên vĩnh viễn không còn lưu chuyển trong sinh tử.

Thứ ba: Dựa vào môn Bệnh hành: Bốn phần phân biệt, Phần là nghĩa về tánh, tất cả chỉ dựa vào nhiều mà chọn lấy tên gọi như Tham..., gọi là không giống nhau. Ba phần cùng nhiều gọi là phần giống nhau (Đẳng phần), nhưng không ra ngoài ba loại, ba loại này riêng biệt gọi là ba căn bất thiện, vì vậy trong đối trị nói là đoạn trừ gốc rễ.

Thứ tư: Dựa vào môn Nối thông các Thức: Trình bày về Ngã-Ngã sở, nghĩa là Thức thứ bảy luôn luôn chấp Thức thứ tám làm Ngã bên trong, phiền não (Hoặc) gọi là do Ngã sở mà khởi lên Mạn, cho nên nói là Ngã mạn; nối thông đến Thức thứ sáu, bên trong chấp vào Ngã thân, bên ngoài chấp vào tiền của đồ vật, cậy thế mình ức hiếp người ta. Vả lại, Ngã này cũng bao gồm Ngã pháp, nếu không còn phiền não này thì các phiền não đều hết sạch, cho nên trong đối trị nói là hết sạch không còn lại gì.

Thứ năm: dựa theo môn Tánh tướng: Dùng sắc bén-chậm chạp (Lợi-độn) để phân biệt, trước là chậm chạp-sau là sắc bén, vì vậy kinh Tịnh Danh nói: “Suy ra thân, lấy Dục tham làm gốc, Dục tham lấy phân

biệt hư vọng làm gốc, phân biệt hư vọng lấy Tướng điên đảo làm gốc, Tướng điên đảo lấy Vô trú làm gốc.” Nay bởi vì Vô trú không phải là phiền não, cho nên lược qua không nói đến mà thôi. Từ phân biệt hư vọng điên đảo sinh ra phiền não như Tham..., dựa vào phiền não như Tham... mà phát sinh các Tùy phiền não, lần lượt chuyển tiếp nảy sinh lẫn nhau. Tướng điên đảo, là bởi vì bất tịnh mà chấp là thanh tịnh... Trong sắc bén, tức là Thân kiến làm gốc, sinh ra sáu mươi hai Kiến. Ở đây có hai cách nói: 1- Dựa vào năm uẩn-ba đời, đến phần sau sẽ trình bày; 2- Dựa vào Tà kiến của ngoại đạo, đầy đủ như luận Du Già quyển 87 đã nói.

Thứ sáu: dựa theo môn Xuất gia tu hành: Dùng chương ngại-che phủ (Chương-Cái) để phân biệt. Cái nghĩa là năm uẩn, đã thấy ở văn trên; Chương tức là hai Chương, đây cũng là tổng quát kết luận về các phiền não trước đây không lia xa hai Chương. Từ “Phát Đại Bi...” trở xuống là trình bày về đạo chủ động đối trị, nghĩa là cứu giúp người có chương ngại, bảo vệ người tu hành. Điều này nói chưa hết, nghĩa bao gồm tổng quát kết luận, nghĩa là Bồ-tát phát tâm không vì chính mình, chỉ vì Đại Bi cứu giúp che chở tất cả, khiến cho đoạn hết mạng lưới của các phiền não nói trên đây. Đoạn hết để làm gì? Khiến cho Bốn trí được thanh tịnh. Nhưng đạo chủ động đối trị, tuy là rất nhiều mà không ra ngoài hai loại: 1- Tổng quát; 2- Riêng biệt.

Riêng biệt như tùy phần mở bày rõ ràng trên đây, nếu như không thể nào đoạn trừ thì cần phải chuyển sang đối trị, nghĩa là như Tham khởi lên thì dùng quán Bất tịnh để đối trị, không rời bỏ Từ Bi đang khởi lên; duyên với cảnh trước đây, thuận theo dùng pháp thanh tịnh để trao cho. Vì sao xuất gia không có tâm Từ Bi, mà trái lại còn nhiễm ô? Như vậy tùy theo các loại để xoay chuyển, đều lấy Vô đắc (không hai) mà làm phương tiện.

Đã nói đến tổng quát, là chỉ nên quán sát sâu xa về Đệ nhất nghĩa đế, nghĩa là nên quán sát về các phiền não tức là Bốn giác Bồ-đề, vì vậy Vô Hạnh nói: “Tham dục tức là Đạo, Sân-Si cũng lại như vậy. Như vậy trong ba pháp đầy đủ tất cả Phật pháp, tánh của phiền não-tánh của Trí đều vốn là thanh tịnh, chỉ vì phân biệt hư vọng mà phàm phu không hiểu rõ, như người mù rất giàu có đi lại chuyển động, mà bị vật báu làm cho tổn thương; Nhị thừa nóng nảy điên cuồng, nói là sâu bọ-rắn rít mà kinh sợ bỏ chạy tránh xa; Bồ-tát Quyển thừa hãy còn nói là có phiền não đáng đoạn trừ. Nay nương theo Nhất thiết trí, nương theo dùng Tuệ nhãn thanh tịnh, quán sát phiền não tức là Chân, thì phiền não tự nhiên

rõng lạng, tánh của Trí luôn luôn thanh tịnh, đều là vì mở mang thấy biết về Phật, khiến cho đạt được thanh tịnh, không đoạn trừ phiền não mà nhập Niết-bàn. Có Bi-Trí này, nhận biết đoạn trừ như vậy mà phát tâm Bồ-đề, lẽ nào cùng với người tuổi trẻ ở Dự trước đây mà nói hay sao?

Thứ 11: Trình bày Dự về cúng dường Phật và chúng sinh, văn có ba mục: a- Nêu ra Dự để so sánh; b- Nêu ra; c- Giải thích.

Mục a phân hai: Trước là mở rộng trình bày về một người; sau là tóm lược phân rõ về chín người.

Trong mục trước có bốn tiết: Một: Nêu ra Dự về rộng lớn; hai: Thưa hỏi; ba: Giải đáp; bốn: So sánh hiển bày về thù thắng.

Trong tiết một có hai: 1: Mở rộng nói về phương Đông; 2: Từ “Nam-Tây...” trở xuống là sơ lược nêu ra chín phương.

Trong tiết 1 nói về phương Đông lại có hai: a: Trình bày về cúng dường Phật đang tại thế; b: Từ “Chí Phật diệt...” trở xuống là trình bày về cúng dường sau khi Phật diệt độ.

Trong tiết a lại có hai: Trước là Tự hành; sau từ “Hựu khuyến...” trở xuống là Hóa tha.

Trong đoạn trước là Tự hành, có bốn loại thù thắng sâu xa: Một là vật dụng cúng dường rộng lớn vi diệu; hai là ruộng phước cúng dường rộng lớn thù thắng, đó là bởi vì ruộng phước Từ Bi tôn kính ở vô số thế giới; ba là tâm cúng dường thù thắng, bởi vì cung kính như nhau; bốn là thời gian cúng dường thù thắng, bởi vì nối tiếp nhau vô số kiếp. Tự hành này đã thù thắng, huống gì đối với giáo hóa người khác, huống gì sau khi diệt độ, huống gì đối với những phương khác? Còn lại đều có thể biết.

Trong mục sau là tóm lược phân rõ về chín người, có hai tiết: Một: Nêu ra Dự về rộng lớn; hai: Từ “Phật tử...” trở xuống là so sánh hiển bày về thù thắng.

Trong tiết một, chín người lần lượt chuyển tiếp thứ tự hưởng về với nhau, niệm nhiều kiếp như nhau, số lượng lại tăng thêm. Trong này, như người thứ nhất trong một niệm mà cúng dường Vô số, đến người thứ hai đều tăng lên đến Vô lượng, cho đến người thứ mười tăng lên đến Bất khả thuyết-bất khả thuyết, đều tích lũy về niệm của phần vị ấy, cho đến thời gian cuối cùng của phần vị ấy.

Tiết hai là so sánh hiển bày về thù thắng, có thể biết.

Mục b là nêu ra, ý nói rằng: Phước cúng dường của người thứ mười ấy, đã đến Bất khả thuyết-bất khả thuyết, toàn bộ ví như có thể

không bằng nhau, vì sao không bằng phần ít?

Trong mục c là giải thích, phân hai: Trước là hiển bày ngược lại, không bởi vì giới hạn như nhau, là trình bày về phần vị trước không bằng phần vị này; sau từ “Vi cúng dường tận pháp giới...” trở xuống là giải thích thuận theo, bởi vì không có giới hạn cho nên phân rõ phần vị này vượt qua phần vị trước. Tóm lược nói rõ về mười loại: Một: Thời gian vượt qua, nghĩa là niệm-kiếp tận cùng ba đời mà thời gian trùng trùng. Hai: Nơi chốn vượt qua, nghĩa là đầy đủ mười phương mà ngay trong nhau-hòa vào nhau. Ba: Cúng dường vượt qua, nghĩa là khắp nơi pháp giới mà cúng dường phù hợp với lý. Bốn: Ruộng phước vượt qua, nghĩa là khắp mọi nơi như hư không thể giới-mảy bụi-mảy lông..., mà thân của các Đức Như Lai đều đầy khắp pháp giới. Năm: Tâm vượt qua, nghĩa là trong mỗi một niệm, đều dùng vật dụng cúng dường vô tận, để cúng dường vô tận chư Phật, trải qua vô tận đời kiếp mà tâm hãy còn không đủ. Sáu: Bi vượt qua, tự mình thực hiện, khuyên dạy người khác, dùng thiện căn này chỉ vì chúng sinh, khiến cho thành Phật trước, mà mình cũng cúng dường. Bảy: Trí vượt qua, thông hiểu rõ ràng ba sự việc, tùy theo mỗi một sự việc mà xứng với pháp giới, như một giọt nước biển, thì đầy đủ vị của trăm sông, khoảng trống của hạt cải đã không có phạm vi giới hạn. Tám: Khéo léo vượt qua, có thể dùng một sự việc làm nhiều, thâm nhiếp nhiều làm một, khéo léo thành tựu dung hòa thâm nhiếp các phần vị, mà thực hành chân thật. Chín: Mong cầu vượt qua, chỉ vì Bồ-đề mà không vì điều gì khác. Mười: Bình đẳng vượt qua, nghĩa là chúng sinh-Phật, mình và người, cúng dường và không cúng dường, vốn là đều bình đẳng.

Toàn bộ mười nghĩa trên đây không ra ngoài ba loại: 1: Bởi vì không có phạm vi giới hạn; 2: Bởi vì xứng với pháp tánh; 3: Bởi vì Sự Sự vô ngại. Không có ba ý này, giả sử trải qua Dụ về trùng trùng rộng lớn, cũng không sánh bằng một phần ít.

Phần bốn từ “Phát thị tâm dĩ...” trở xuống là dựa vào Pháp sơ lược nêu ra: Dụ trước đây hiển bày về nhân rộng lớn của Đại tâm, ở đây trình bày về thâm nhiếp công đức thù thắng sâu xa, cũng là ca ngợi về thù thắng khuyến khích học hỏi.

Trong văn có hai: Một- Phát tâm này rồi, là nhắc lại các Dụ trước đây đã so sánh về tâm. Hai- Từ “Năng tri...” trở xuống là trình bày về công đức mà Đại tâm này đã thâm nhiếp, trong đó có năm: 1- Giải và Hạnh viên mãn; 2- Diệu quả sẽ thành tựu; 3- Bình đẳng cùng với Phật; 4- Có năng lực thực hiện Phật sự; 5- Đại Trí hiện rõ trước mắt.

Trong phần 1: Là Giải và Hạnh viên mãn, có ba:

Phần a- Tổng quát nêu ra pháp đã nhận biết, Phật hiện tại thành tựu Chánh giác chỉ nói là Trí tuệ, Phật quá khứ thị hiện diệt độ cho nên thêm vào Niết-bàn, Phật vị lai thuộc về nhân cho nên nói là thiện căn. Quá khứ và hiện tại đã từ duyên mà ứng có thể đạt được thì nói là nhận biết (Tri), vị lai chưa có thì chỉ có thể nói là tin tưởng (Tín), cũng tin tưởng tất cả đều là Phật tương lai.

Phần b- Từ “Bỉ chư...” trở xuống là thâm nhiếp mà tu chứng, hữu vi có thể đạt được, vô vi có thể nhận biết, có thể chứng được khiến cho Trí thân thành tựu-Pháp thân bình đẳng với Phật. Cổ đức phân định một đoạn này là thâm nhiếp phần vị tu tập thành tựu, nghĩa là đối với công đức-trí tuệ của chư Phật có thể tin tưởng là Thập Tín; bởi vì Tín thành tựu, cho nên phần vị sau thâm nhiếp phần vị trước, có thể tiếp nhận là Thập Trụ, có thể tu tập là Thập Hạnh, có thể nhận biết là Thập Hưởng, đạt được chứng ngộ là Thập Địa. Nghĩa là Bản trí chứng được Hậu trí, đạt được có thể thành tựu, là kết luận về nhân cứu cánh, có thể bình đẳng với Phật là quả đầy đủ. Bình đẳng, nghĩa là chủ động chứng-thụ động chứng cùng với chư Phật vốn bình đẳng không hai, Sơ tâm đã thâm nhiếp các phần vị, cho đến quả Phật cũng là một lý.

Phần c- Nêu ra giải thích về nguyên cơ, vì sao Sơ tâm mà đầy đủ phần vị của nhân? Ý giải thích rằng: Bởi vì giống như Chân tánh mà thực hiện cho nên không có phạm vi giới hạn. Có mười một câu, trước là tổng quát-sau là riêng biệt, văn đều phân rõ giống như trong Dụ thứ nhất trước đây.

Phần 2: Từ “Dĩ phát tâm cố...” trở xuống là Diệu quả sẽ thành tựu, phân hai: a- Nêu ra nhân đạt được quả; b- Nêu ra giải thích về nguyên cơ.

Phần a, đạt được đối với tám sự việc: Một: Hiểu biết phù hợp với tâm Phật, cho nên thành tựu về ghi nhớ. Hai: Tiến vào Chánh định tụ, cho nên sẽ đạt được Bồ-đề. Ba: Pháp khí chân thật đã thành tựu, cho nên Phật trao truyền diệu pháp, diệu pháp tức là thấy biết của Như Lai. Bốn: Nhận biết về tâm tánh, vốn bình đẳng với Phật. Năm: Tu tập đầy đủ Lục độ-Tứ nhiếp thuộc về Trợ đạo. Sáu: Lực... chưa chứng cũng chắc chắn không có gì nghi ngờ, cho nên nói là thành tựu Bảy: Mười tám pháp Bất cộng tu tập trang nghiêm. Tám: Đạt được bốn Vô ngại biện gọi là trí tuệ thuyết pháp. Bảy loại trên đều nói ba đời là trình bày bao gồm theo thời gian (Thụ), nay nói pháp giới là phân rõ thâm nhiếp theo không gian (Hoành), trước sau phỏng theo mà tóm lược.

Trong phần b nêu ra giải thích về nguyên cố, ý nêu ra nói rằng: Vì sao phát tâm liền đạt được pháp của quả? Giải thích rằng: Bởi vì phát tâm này làm nhân, cho nên quyết định sẽ đạt được quả Phật, hưởng về quả trọn vẹn cuối cùng cho nên chắc chắn sẽ thành tựu. Dựa theo Kiến tánh thành tựu Trí thân, phẩm trước nói là lập tức đạt được. Bản kinh đời Tấn và bản tiếng Phạn, trong phần này đều nói vốn chính là Phật, là nói đến nghĩa này.

Phần 3: Từ “Ứng tri...” trở xuống là bình đẳng cùng với Phật, bởi vì Kiến tánh như nhau, cho nên phát tâm và đến cuối cùng là hai mà không sai khác. Văn có bốn câu: Đầu là tổng quát, sau là riêng biệt. Tổng quát nói là bình đẳng với Phật, bình đẳng ở chỗ nào? Có ba loại bình đẳng: a-Bình đẳng về cảnh giới đã duyên, và phạm vi giới hạn của cảnh giới; b-Đại Bi, Đại Định, Lực-Vô úy..., tất cả đều bình đẳng; c-Có thể nhận biết về thân không có nơi bắt đầu, cũng không có tích tụ, tùy theo chúng sinh phân biệt mà thấy các loại thân. Trí tuệ như vậy bình đẳng với Phật.

Phần 4: Từ “Tài phát tâm thời...” trở xuống là có năng lực thực hiện Phật sự, có mười một câu, đều là mới phát tâm liền đạt được.

Nói về mới phát tâm liền đạt được, bởi vì có hai ý:

a- Dựa theo pháp viên dung, bởi vì Sơ tâm thâm nhiếp các phần vị, cho nên nói tất cả các phần vị thâm nhiếp lẫn nhau, tổng quát có ba loại: Một: Dùng công hạnh thâm nhiếp phần vị, như trong Thập Tín đầy đủ tất cả phần vị, phẩm Hiền Thủ đã nói. Hai: Dùng phần vị thâm nhiếp phần vị, như Thập Trú đầy đủ liền được thành Phật, nói như phẩm Thập Trú và phần Tỳ-kheo Hải Tràng ở phẩm Pháp Giới; Thập Hạnh-Thập Hương-Thập Địa đều như vậy, tất cả như các phẩm ấy nói đến. Ba: Sơ tâm thâm nhiếp đến cuối cùng, như Sơ tâm của Thập Trú đã thâm nhiếp các phần vị, như phẩm này nói, đều dựa vào đầy đủ phần vị của nhân mà nói. Như tác dụng của Phổ Hiền phần nhiều giống như Phật, mà hãy còn chưa phải là Phật, trong này cũng như vậy.

b- Dựa theo Kiến tánh như nhau, cho nên nói là bình đẳng với Phật, đầy đủ pháp của chư Phật, luận theo thời gian thì thứ tự phần vị hơn-kém không phải là không có. Nếu như vậy thì phần vị này đâu khác gì so với trải qua từng phần vị riêng biệt? Thừa thỉnh dùng Dụ để hiển bày: Như một ngọn đèn đặt trong căn nhà trống rỗng ấy, ánh sáng tỏa khắp trong căn nhà, thêm vào hai ngọn đèn-thêm vào ba ngọn đèn, cho đến trăm ngàn ngọn đèn, tất cả đều trùng trùng khắp nơi ở trong căn nhà, tuy rộng khắp như nhau mà không trở ngại những ngọn đèn sau

thêm vào; trình bày về Sơ tâm bình đẳng với Phật như một ngọn đèn ấy, Diệu giác bình đẳng với Sơ tâm giống như ngọn đèn thứ trăm ngàn, giống như trong căn khí chứa đầy những ngọn đèn, tuy là trăm ngàn ngọn đèn cùng đặt trong một căn nhà, mà không nhìn thấy lẫn nhau, tu hành trải qua từng phần vị riêng biệt tương tự với điều này. Bởi vì dựa vào nghĩa này, cho nên Sơ tâm đã nói là chấn động, ánh sáng chiếu rọi tất cả thế giới; từ phần vị Đẳng Địa trở lên lại nói là trăm quốc độ-ngàn quốc độ, như lý mà suy nghĩ điều này. Lại chính là bởi vì nghĩa này mà rời bỏ cao-dựa vào thấp, trong Thập Trú đã đầy đủ các Địa.

Phần 5: Từ “Thử sơ phát...” trở xuống là trình bày về Đại Trí hiện rõ trước mắt, văn này có hai ý: a- Riêng biệt là một đoạn, nghĩa là dùng Đại Trí không có vướng mắc mà mong cầu Bồ-đề; b- Bao gồm giải thích bốn đoạn trên đây, nghĩa là bởi vì đối với tất cả không có gì vướng mắc, cho nên xứng tánh viên dung có thể thành tựu, có thể thâm nhiếp tất cả công đức.

Trong văn phân hai: Đầu là chính thức trình bày về không có vướng mắc; sau là giải thích về nguyên cơ.

Trong mục đầu: Một: Tổng quát; Hai: Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt, nghĩa là từ môn ba đời thấy Phật-Pháp-Tăng không phải là Phật-Pháp-Tăng, ba đời thâm nhiếp như nhau, trong đó có ba phần vị: Tám loại đầu là thanh tịnh, bốn loại tiếp là bao gồm nhiễm-tịnh, hai loại sau chỉ là nhiễm ô.

Mục sau từ “Duy cầu...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ không vướng mắc, văn hàm chứa nhiều ý: 1- Nói rằng: Chỉ vì mong cầu Nhất thiết trí, không hướng về nơi nào khác, cho nên đối với pháp giới-Phật... không có gì vướng mắc. Điều này tuy có lý nhưng không thuận với văn này, bởi vì Phật và pháp của Phật lẽ nào không phải là Nhất thiết trí hay sao? 2- Nói rằng: Mong cầu đối với chính mình chứ không mong cầu giống như Phật, mong cầu đối với chính mình hãy còn chưa tránh khỏi mong cầu. Nay giải thích có hai cách: 1- Chỉ vì mong cầu Nhất thiết trí, mong cầu mà không có gì vướng mắc, bởi vì có những vướng mắc không phải là mong cầu chân thật, cho nên kinh Tịnh Danh nói: “Nói đến cầu pháp, thì đối với tất cả các pháp thuận theo không có gì mong cầu, hiểu rõ pháp không có mong cầu thuận với Nhất thiết trí.” 2- Nói về mong cầu thì không làm hỏng tướng, không vướng mắc thì xứng với pháp tánh. Tánh-tướng cùng xem xét, suốt ngày mong cầu mà không có gì mong cầu, trong kinh nói: “Không có gì mong cầu thích hợp với mình vốn là mong cầu.”

Phần năm từ “Nhĩ thời...” trở xuống là mặt đất rung động-phát khởi cứng dường, toàn bộ giống như văn trước đây.

Phần sáu từ “Thị thời thập phương...” trở xuống là mười phương chứng minh thành tựu, hướng về văn trước thì có giống nhau-có khác nhau. Nghĩa về giống nhau có thể biết. Khác nhau có ba loại tức là ba đoạn: 1- Phật hiện thân chứng minh thành tựu khác với Bồ-tát trước đây; 2- Hiện bày lợi ích chứng minh thành tựu ở văn trước không có; 3- Kết luận nối thông vô tận, trước đây tóm lược-ở đây mở rộng bởi vì thêm vào nhân của thuyết giảng.

Phần 1: Trước là hiện thân, tiếp là khen ngợi thuyết giảng, sau là dẫn ra giống với mình, bởi vì Sơ tâm thâm nhiếp công đức sâu rộng e rằng khó tin nhận, cho nên Phật tự mình chứng minh.

Phần 2: Từ “Nhữ thuyết thử pháp thời...” trở xuống là hiển bày lợi ích chứng minh thành tựu, lợi ích nối thông với hai đời: Đầu là lợi ích đời hiện tại; sau từ “Ngã đẳng tất đương hộ trì dĩ...” trở xuống là hiển bày cho đến đời vị lai.

Trong phần đầu: Tâm thanh tịnh, là bởi vì nghe đến tâm Bồ-đề cho nên thấy tánh của tâm. Mà trải qua nhiều kiếp, nhưng giáo thuyết khác xác định là ba Tăng-kỳ, Tông này đã trình bày về kiếp số không nhất định, tóm lược có bốn loại: Một- Hoặc là mở rộng ra thì Vô lượng, Bất khả thuyết-bất khả thuyết sát trần, nói như phẩm Pháp giới; Hai- Hoặc là một ngàn Bất khả thuyết, có lúc tăng-có lúc giảm, nói như phần Thái tử Uy Quang và trong phần này; Ba- Hoặc là một đời-hai đời, như Đồng tử Thiện Tài và Thiên tử cõi Đâu-suất; Bốn- Sơ tâm liền đạt được như trước đây đã nói. Pháp thụ động nương theo đã tự tại viên dung, người chủ động nương theo cũng nhanh-chậm không nhất định, bởi vì niệm-kiếp dung thông. Vì vậy Di-lặc nói: “Tất cả pháp tu trong vô lượng kiếp của Bồ-tát, Đồng tử Thiện Tài trong một đời đều đạt được.” Khởi Tín thì dùng hoặc là nhanh hay là chậm, đều là phương tiện. Tông này thì dùng phép tắc nhất định làm Quyền, đều có Thánh ngôn mà không cố chấp phiến toái, không bởi vì trải qua thời gian dài mà sinh lòng sợ hãi rút lui, không bởi vì mau chóng chứng được mà khởi tâm xem thường, hoặc là nhanh hay là chậm đều thể phải hướng đến đạt được, là ý của Phật.

Phần sau là lợi ích cho đời vị lai, bởi vì khiến cho tin tưởng nương nhờ. Nay nghe đến pháp này, đều nhờ vào nguyện lực của Phật, vô cùng hổ thẹn mà tin tưởng thực hành.

Phần 3: Từ “Như thử...” trở xuống là kết luận nối thông vô tận, là

chứng minh chư Phật kết luận nổi thông chứ không phải là người kết tập kinh pháp: Trước là trình bày về thuyết giảng khắp nơi; sau từ “Kỳ thuyết pháp...” trở xuống là nêu ra pháp đã thuyết giảng giống nhau. Trong văn có ba: a- Người thuyết giảng giống nhau; b- Nhân thuyết giảng giống nhau, nghĩa là bởi vì Thần lực của Bốn nguyện; c- Ý thuyết giảng giống nhau, từ “Vi dục...” trở xuống là ý chính của văn này, giống như Thập Trú trước đây, đều hiển bày có thể biết.

Phần bảy từ “Nhĩ thời...” trở xuống là dùng kệ tụng tụng:

Trước là phân rõ về ý của kệ có mười một câu, một câu đầu-một câu cuối là nghi thức thuyết kệ, mà tách ra là muốn hiển bày về chín câu ở giữa, đều nương theo uy lực của Phật mà bao gồm mười phương; chín câu ở giữa là chính thức trình bày về việc đã làm, đầu là tổng quát-còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt có bốn cặp: Một- Nghiệp thanh tịnh hiển bày lý; Hai- Trừ diệt phiền não phát sinh niềm tin, vọng tưởng phân biệt vì căn tạp nhiễm; Ba- Nhận biết căn bệnh hiểu rõ vị thuốc; Bốn- Quán sát quả làm nhân thanh tịnh, tức là nhờ vào Lợi tha mà Tự nghiệp liền thanh tịnh.

Sau là chính thức hiển bày về lời kệ, có một trăm hai mươi một kệ, văn phân ba đoạn: Một- Có tám mươi hai kệ, vượt lên trên tụng về dựa vào Pháp sơ lược nêu ra; Hai- Có ba mươi bốn kệ, lùi lại tụng về dựa vào Dụ để so sánh; Ba- Có năm kệ, kết luận về công đức khuyến khích ca ngợi để cho ngưỡng mộ mà phát tâm, ca ngợi sâu xa khó nói ra, có khắp ba đoạn. Lại ca ngợi là căn bản của phần trường hàng và kệ tụng, cho nên lược qua không tụng đến.

Trong đoạn một: Văn cũng phân năm: 1- Có mười bảy kệ, tụng về phần thứ nhất là Giải và Hạnh viên mãn; 2- Từ “Bồ-tát thí phát...” trở xuống có mười bảy kệ, vượt lên trên tụng về phần thứ tư là có năng lực thực hiện Phật sự; 3- Từ “Bồ-tát sở trú...” trở xuống có mười tám kệ, lùi lại tụng về phần thứ ba là đạt được bình đẳng với Phật; 4- Từ “Thú hướng Bồ-đề...” trở xuống có sáu kệ rưỡi, tụng về phần thứ năm là Đại Trí hiện rõ trước mắt; 5- Từ “Hằng khuyến chúng sinh...” trở xuống có hai mươi ba kệ rưỡi, tụng về phần thứ hai là Diệu quả sẽ thành tựu. Văn không theo thứ tự, là hiển bày về đức vốn không có trước-sau. Lại trường hàng trình bày trước là Thể của quả như nhau, sau là Dụng của quả như nhau; kệ tụng trình bày thuộc về Dụng thích hợp. Nay quả trình bày về sẽ đạt được, bởi vì Đại Trí nổi thông khắp nơi, trước-sau trình bày lẫn nhau.

Trong phần 1: Văn phân làm hai: Đầu là một kệ, tụng về chính

thức trình bày Giải và Hạnh viên mãn trước đây, nhưng câu đầu là tổng quát nêu ra phát tâm làm nhân. Còn lại mười sáu kệ, tụng về nêu ra giải thích trước đây, trong đó có bảy:

1: Một kệ, tụng về đầy khắp tất cả thế giới.

2: Có hai kệ, tụng về bởi vì mong muốn độ thoát chúng sinh ở tất cả thế giới.

3: Có một kệ, tụng về nhận biết thế giới Thành-Hoại, nhận biết là ý thuộc về hướng đến giáo hóa hầu cận Đức Phật.

4: Có một kệ rười, tụng về bởi vì nhận biết rõ ràng cấu nhiễm-thanh tịnh của tất cả chúng sinh, và thanh tịnh của tất cả thế giới khắp ba cõi, nhận biết cấu nhiễm vốn là ý thuộc về làm cho thanh tịnh, năm nẻo-ba cõi gọi là hai bên mà thôi.

5: Từ “Thiêu long...” trở xuống có hai kệ rười, lùi lại tụng về bởi vì không đoạn mất chủng tánh của Như Lai: Nửa kệ đầu nói về phá dẹp Tà-hiển bày Chánh, tức là nghĩa của thiêu long; câu tiếp nêu ra Thể tánh của chủng tánh Phật; hai câu tiếp tức là khởi lên duyên với chủng tánh Phật; còn lại là tướng của chủng tánh khởi lên, giáo hóa nối tiếp giáo hóa không dứt là báo ân của Phật, tâm như Kim cang là nghĩa về chủng tánh, y theo công hạnh của Phật mà tu hạnh Bồ-tát, thì chủng tánh Phật không đoạn mất.

6: Có năm kệ, tụng về nhận biết tâm ưa thích của chúng sinh. Từ “Phiền não tập khí...” trở xuống là bốn loại phát tâm, trong đó: Một kệ đầu là tổng quát trình bày về sự việc đã nhận biết, tướng là vọng tưởng tức là phiền não, nghiệp tức là tập khí, quả tức là chết nơi này-sinh nơi kia, tâm tức là tâm hành, căn tánh tức là các căn. Hai kệ tiếp là hiển bày về Thể tướng của nhận biết, đều ngay nơi sự việc tiến vào sâu xa. Một kệ tiếp là không những nhận biết về căn bệnh mà cũng hiểu rõ về vị thuốc của pháp, cho nên giống như Thế Tôn. Một kệ sau cuối là không những nhận biết trống rỗng, mà hạnh nguyện phù hợp với nhau có thể làm lợi ích thật sự.

7: Có ba kệ, tụng về Trí nhận biết tất cả chúng sinh trong ba đời, đó là bởi vì lìa xa chướng của ba đời. Chướng có mười loại: 1- Chướng vì phiền não tập nhiễm; 2- Chướng vì xúc cảnh mê mờ điên đảo; 3- Chướng vì trải qua thời gian dài giải đãi; 4- Chướng vì chấp vào nhân quả; 5- Chướng vì tà giáo-tà sư khiến cho chuyển đổi; 6- Chướng vì hưởng đến Thừa bậc thấp; 7- Chướng vì tướng thô hiện rõ trước mắt; 8- Chướng vì không có năng lực chịu đựng đối với hành hưởng về khắp nơi; 9- Chướng vì tùy theo ngôn ngữ phát sinh hiểu biết; 10- Chướng vì

chủ thể và khách thể không mất đi. Như thứ tự mười câu đều có một đối trị. Hai câu cuối cùng tổng quát kết luận về hiểu biết thông suốt.

Phần 2: Từ “Bồ-tát thí phát...” trở xuống có mười bảy kệ, tụng về phần có năng lực thực hiện Phật sự trước đây, toàn bộ phân làm mười:

1: Có hai kệ, tụng về đã chủ động thuyết pháp giáo hóa điều phục tất cả chúng sinh, bởi vì Bi-Trí dẫn dắt lẫn nhau.

2: Có một kệ, tụng về chư Phật khen ngợi, khen ngợi thì chắc chắn sẽ gia hộ.

3: Có một kệ, tụng về đã chủ động làm chấn động tất cả thế giới, chấn động-tiến vào nêu ra lẫn nhau.

4: Từ “Bồ-tát cụ túc...” trở xuống có sáu kệ, tụng về đã chủ động chấm dứt diệt hết tất cả khổ đau của các đường ác, trong đó đầy đủ đức của Bi-Trí, cho nên có thể trừ bỏ khổ đau của nhân quả, mà không có mình và người.

5: Có một kệ, tụng về đã chủ động tỏa sáng chiếu soi tất cả thế giới, chiếu soi thế giới là ý thuộc về chiếu soi các chúng sinh.

6: Có một kệ, tụng về đã chủ động làm trang nghiêm thanh tịnh tất cả quốc độ, lỗ chân lông hiện rõ quốc độ tức là Thần thông trang nghiêm.

7: Có một kệ rưỡi, tụng về đã khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỷ trước đây, cúng dường chư Phật-thừa hởi giáo pháp chỉ vì lợi ích cho chúng sinh.

8: Có một kệ rưỡi, tụng về đã chủ động tiến vào tánh của tất cả pháp giới trước đây, nửa kệ đầu là Văn mà hiểu biết thông suốt, nửa kệ tiếp là Tư mà bao gồm thuyết giảng, nửa kệ sau là Tu mà không có gì vướng mắc.

9: Có nửa kệ, dựa vào Tu mà chứng, tụng về đã chủ động duy trì chủng tánh của tất cả chư Phật.

10: Có một kệ rưỡi, tụng về đã chủ động thị hiện thành Phật.

Phần 3: Từ “Bồ-tát sở trú...” trở xuống có mười tám kệ, tụng về phần đạt được bình đẳng với Phật, trong đó phân bốn:

1: Có ba kệ rưỡi, tụng về cảnh giới bình đẳng của Phật, một kệ đầu là phạm vi giới hạn của cảnh, một kệ tiếp là bao gồm cảnh đã chứng được-đã duyên vào, một kệ rưỡi sau là nêu ra so sánh để hiển bày về thù thắng.

2: Từ “Thiện tri...” trở xuống có bốn kệ rưỡi, tụng về công đức bình đẳng.

3: Có một kệ, tụng về đạt được một thân-vô lượng thân bình đẳng

của Như Lai ở văn trước đây.

4: Từ “U chư...” trở xuống có chín kệ, tụng về Trí tuệ chân thật, trong đó có bốn: Một- Có bốn kệ, tụng về phát tâm rộng lớn lia xa tất cả vọng tưởng; Hai- Có hai kệ, tụng về phát tâm rộng lớn cùng tận ba đời; Ba- Có hai kệ, tụng về phát tâm rộng lớn thuận với Bồ-đề Niết-bàn; Bốn- Có một kệ, kết luận khuyến khích có thể biết.

Phần 4: Từ “Thú hương Bồ-đề...” trở xuống có sáu kệ rưỡi, tụng về phần Đại Trí hiện rõ trước mắt, trong đó: Một kệ đầu là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; còn lại là chính thức tụng về Đại Trí hiện rõ trước mắt: Đầu là một kệ nói về đối với Phật không có gì vướng mắc; tiếp là một kệ tức là như chúng sinh, như pháp của chúng sinh; tiếp là một kệ tức là như Phật, như pháp của Phật; tiếp là một kệ như thế gian, như pháp của thế gian; tiếp là một kệ như Bồ-tát, như pháp của Bồ-tát, lược qua văn nói về Nhị thừa; sau cuối là nửa kệ, tụng về văn kết thúc trước đây, nghĩ đến chư Phật mười phương tức là mong cầu Nhất thiết trí, không có dựa vào-không có chọn lấy tức là tâm không có gì đắm trước đối với các pháp giới.

Phần 5: Có hai mươi ba kệ rưỡi, tụng về phần Diệu quả sẽ thành tựu trước đây, trong đó có chín:

1: Có ba kệ rưỡi, tụng về thường được tất cả chư Phật hộ niệm, bởi vì có đủ đức.

2: Có nửa kệ, tụng về sẽ đạt được Vô thượng Bồ-đề.

3: Có nửa kệ, tụng về trao cho Diệu pháp ấy, pháp của bậc Đại Nhân là tám điều giác ngộ của bậc Đại Nhân (Bát Đại Nhân Giác).

4: Có một kệ, tụng về Thể bình đẳng của Phật, bởi vì thời gian và nơi chốn bình đẳng tức là Thể của Phật.

5: Có một kệ, tụng về đã tu pháp trợ đạo của chư Phật ba đời.

6: Có sáu kệ, tụng về thành tựu Lực-Vô úy của chư Phật ba đời, mở rộng về tên gọi riêng biệt của Thập Lực, tóm lược về tên gọi của Vô úy, trong đó: Năm kệ rưỡi riêng biệt trình bày về Thập Lực, nửa kệ hiển bày về phạm vi giới hạn đạt được.

7: Có năm kệ, tụng về đã trang nghiêm pháp Phật bất cộng của chư Phật ba đời, bởi vì ba thế gian viên dung không cùng chung Quyền-Tiểu.

8: Có năm kệ, tụng về đạt được Lực-Trí tuệ thuyết pháp của chư Phật.

9: Có một kệ, kết luận về đức vô tận đều thuộc về Sơ tâm, bao gồm các đoạn trước đây.

Đoạn hai: Từ “Thập phương quốc độ...” trở xuống có ba mươi bốn kệ, tụng về dựa theo Dụ để so sánh trước đây, trong đó phân hai: Trước là có mười bốn kệ, chính thức tụng về Dụ trước đây, có thể biết; sau là có hai mươi kệ, bao gồm giải thích về nguyên cơ không sánh kịp của các Dụ. Trước tuy sơ lược giải thích, nay ở đây mở rộng phân rõ. Lại trong trường hàng phần nhiều tùy theo Dụ riêng biệt trình bày, nay ở đây tổng quát phân rõ, cũng là tụng về tướng tổng quát ca ngợi sâu xa khó nói ra trước đây. Nếu đem phối hợp riêng biệt, thì khiến cho khó Chứng được... có sự hạn chế lẫn nhau. Trong đó phân ba: 1- Có nửa kệ kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; 2- Có mười bảy kệ rưỡi chính thức giải thích về nguyên cơ; 3- Có hai kệ kết luận về đức vô tận.

Ngay trong phần 2 là chính thức giải thích, phân ba: Đầu có một kệ nêu ra Chương mục; tiếp có mười hai kệ rưỡi riêng biệt giải thích; sau có bốn kệ hiển bày về đức viên mãn.

Phần đầu, nghĩa là nêu ra hai Chương về Xuất sinh vô tận-Thể tướng vô hạn.

Trong phần tiếp là riêng biệt giải thích: Một- Bốn kệ giải thích về không có phạm vi giới hạn, có lẽ một câu là một nghĩa; một kệ rưỡi sau tụng về nghĩa của Lục độ, có thể dùng ý để hiểu được. Hai- Có tám kệ rưỡi giải thích về Xuất sinh vô tận, trong đó phân ba: Đầu có hai kệ rưỡi kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, bởi vì Thể là vô hạn cho nên Xuất sinh vô tận. Tiếp từ “Bồ-đề tâm thị...” trở xuống có bốn kệ, chính thức hiển bày về Xuất sinh làm căn bản, Xuất sinh chính là một nghĩa mà thôi. Sau có hai kệ sơ lược giải thích về nguyên cơ làm căn bản, do tu tập Lục độ làm căn bản của Bồ-tát thừa, do khuyến khích về Chánh hạnh làm căn bản của Nhân-Thiên thừa, do nói rõ về Diệt nghiệp thông suốt làm căn bản của Niết-bàn thuộc Tam thừa.

Trong phần sau có bốn kệ hiển bày về đức viên mãn: Một kệ đầu là tổng quát hiển bày, hai kệ tiếp là riêng biệt hiển bày về nguyện đầy đủ, một kệ sau cuối là riêng biệt trình bày về Trí tròn vẹn.

Phần 3: Có hai kệ kết luận về đức vô tận, có thể biết.

Đoạn ba: Từ “Dục tri...” trở xuống là kết luận khuyến khích phát tâm, trong đó có ba: Đầu là nửa kệ chính thức khuyến khích; tiếp là ba kệ rưỡi giải thích về nguyên cơ khuyến khích, tổng quát nêu ra đầy đủ tất cả công đức; sau là một kệ kết luận khuyến khích nhanh chóng phát tâm.

